

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 236/2024/DS-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng cầm
cố tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T – chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S Có Ngay, chi nhánh C; Địa chỉ: Số B, đường C, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phan Văn T1, sinh năm 1990. Địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Ngày 18/06/2021 ông Phan Văn T1 có đến Công ty cổ phần S tiền có ngay, chi nhánh C để ký hợp đồng cầm cố tài sản số CMM210601014NA17X ngày 18/06/2021. Tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 69B1-248.59 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 035741 do Công an tỉnh C cấp cho ông Phan Văn T1 ngày 22/11/2017, với số tiền cầm cố là 19.700.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã

giải ngân đầy đủ số tiền 19.700.000 đồng cho ông T1 nhận. Do nhu cầu cần có xe đi lại, nên Công ty có ký giấy cho ông T1 mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 18/06/2021 đến ngày 18/07/2021, địa điểm trả xe là tại chi nhánh công ty tại Cà Mau. Ông T1 có cam kết rõ trong giấy mượn xe là hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 trả cho công ty được 02 tháng với số tiền 4.598.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.934.362 đồng đến 18/9/2021, thì ngưng không trả nữa đến nay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông T1 không trả nợ và không trả lại xe cho Công ty.

Công ty khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn T1 phải thanh toán số tiền nợ gốc 17.765.638 đồng và lãi, phí tạm tính đến ngày 07/05/2024 là 37.120.008 đồng và chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 08/05/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông T1 không thanh toán được số tiền trên thì yêu cầu ông T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả lại xe biển số 69B1-248.59 cho Công ty.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Phan Văn T1 trả số tiền vốn 17.765.000 đồng và tiền lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày 18/9/2021 chậm thực hiện nghĩa vụ đến ngày xét xử 16/8/2024 là 34 tháng 28 ngày với số tiền lãi 6.826.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Đối với ông Phan Văn T1, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T1 không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền Tòa án giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý và đưa xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Phan Văn T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ đi quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 18/06/2021 bị đơn và nguyên đơn ký hợp đồng cầm cố tài sản số CMM210601014NA17X ngày 18/06/2021 (gọi tắt là hợp đồng), tài sản cầm cố: mô tô biển số kiểm soát 69B1-248.59 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 035741 do Công an tỉnh C cấp cho Phan Văn T1 ngày 22/11/2017, với số tiền nhận cầm cố là 19.700.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng. Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 19.700.000 đồng. Do có nhu cầu mượn xe đi lại nên nguyên đơn có ký giấy cho

bị đơn mượn lại xe sử dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn được hai tháng số tiền 4.598.000 đồng đến ngày 18/9/2021, trong đó tiền gốc là 1.934.362 đồng thì ngưng không trả nữa đến nay, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 17.765.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng 1.1%/tháng, tính từ ngày 18/09/2021 đến ngày xét xử (16/8/2024) là 34 tháng 28 ngày = 6.826.000 đồng, tổng số tiền vốn và lãi là 24.591.000 đồng. Bị đơn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng cầm cố tài sản, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 035741 do Công an tỉnh C cấp ngày 22/11/2017 đứng tên Phan Văn T1 khi bị đơn đã thanh toán xong nợ cho nguyên đơn.

[4] Đối với xe mô tô biển số 69B1-248.59 là tài sản của bị đơn cầm cố cho nguyên đơn, nguyên đơn đã cho bị đơn mượn lại sử dụng, nguyên đơn không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 40, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay. Buộc ông Phan Văn T1 trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tổng số tiền 24.591.000 đồng. Trong đó tiền vốn là 17.765.000 đồng, tiền lãi là 6.826.000 đồng.

Kể từ ngày Công ty cổ phần S tiền có ngay có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Phan Văn T1 không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Buộc Công ty cổ phần S tiền có ngay trả lại cho ông Phan Văn T1 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 035741 do Công an tỉnh C cấp ngày 22/11/2017 đứng tên Phan Văn T1 khi ông T1 đã thanh toán xong nợ cho Công ty.

2. Về án phí: Buộc ông Phan Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.229.000 đồng. Công ty cổ phần S tiền có ngay không phải chịu án

phí. Ngày 23/5/2024, Công ty cổ phần S tiền có ngay đã nộp tạm ứng án phí 1.441.000 đồng theo biên lai số 0008687 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Linh